

Số: ~~293~~ /QĐ-SYT

Điện Biên, ngày 24 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mẫu, quy trình, định mức hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016 - 2020

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BYT, ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế, ban hành quy chuẩn Quốc gia về nhà tiêu; Điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC, ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính, quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1587/QĐ-UBND, ngày 23/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Văn bản số 2876/UBND-KTN, ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc ban hành mẫu và quy trình, định mức hỗ trợ và thủ tục thanh toán từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 để xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh;

Căn cứ các văn bản tham gia ý kiến vào Dự thảo mẫu và giá Nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình của các Sở: Xây dựng tại Văn bản số 210/SXD-QLHDXD ngày 14/3/2018; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 409/SNN-TTNS ngày 15/3/2017; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 189/STNMT-MT ngày 13/3/2018;

Xét đề nghị của Trung tâm Y tế Dự phòng, Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 04 mẫu nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng, định mức hỗ trợ, quy trình hỗ trợ, thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên như phụ lục kèm theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 998/QĐ-SYT, ngày 20/10/2017 của Giám đốc Sở Y tế, về việc Ban hành mẫu nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế; Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- L/đ UBND tỉnh (b/c);
- Cục Quản lý môi trường Y tế - Bộ Y tế;
- Các Sở: NN&PTNT, Tài chính, KH&ĐT, Xây dựng, Kho bạc nhà nước tỉnh DB;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lường Văn Kiên



PHỤ LỤC

Định mức hỗ trợ, quy trình hỗ trợ, thủ tục thanh quyết toán **Y TẾ** (Đính kèm quyết định số: ~~23~~/QĐ-SYT, ngày 1/3/2018)

1. Đối tượng và định mức hỗ trợ

- Đối với hộ nghèo và gia đình chính sách: Mức hỗ trợ tối đa **không quá 70%** giá thành xây dựng của 1 nhà tiêu mẫu.
- Đối với hộ cận nghèo: Mức hỗ trợ tối đa **không quá 35%** giá thành xây dựng của 1 nhà tiêu mẫu.

2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng tiền mặt sau khi các hộ gia đình hoàn thành việc xây dựng nhà tiêu.

3. Nguồn vốn: Vốn từ chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2016 - 2020.

4. Quy trình hỗ trợ:

* Bước 1: Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh các nhân và hộ gia đình tại thôn bản thuộc chương trình.

* Bước 2: Hướng dẫn các hộ gia đình kỹ thuật xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh theo chuẩn của Bộ y tế.

* Bước 3: UBND các xã căn cứ kinh phí được phân bổ hàng năm và đăng ký xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình tương ứng với nguồn kinh phí được phân bổ. Các hộ gia đình được xét duyệt hỗ trợ kinh phí đăng ký và cam kết xây dựng nhà tiêu với UBND xã.

* Bước 4: Các hộ gia đình đã đăng ký tiến hành xây dựng nhà tiêu có sự giám sát kỹ thuật của cộng tác viên vệ sinh môi trường thôn/bản hoặc của cán bộ Trạm Y tế xã.

* Bước 5: Nhà tiêu hộ gia đình sau khi hoàn thành, được Trạm Y tế xã, UBND xã thẩm định nếu đạt tiêu chuẩn hợp vệ sinh mới được nghiệm thu, chi trả phần hỗ trợ theo quy định của loại nhà tiêu đó.

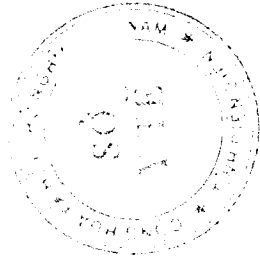
5. Hồ sơ, thủ tục thanh toán:

- Danh sách hộ gia đình thuộc diện hỗ trợ trong năm tại địa phương đăng ký xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, có xác nhận của UBND xã.

- Bản cam kết xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh theo thiết kế mẫu của hộ gia đình đã đăng ký với UBND xã. Có chữ ký của 3 bên: Đại diện hộ gia đình, trưởng bản (hoặc y tế bản) và xác nhận của UBND xã.

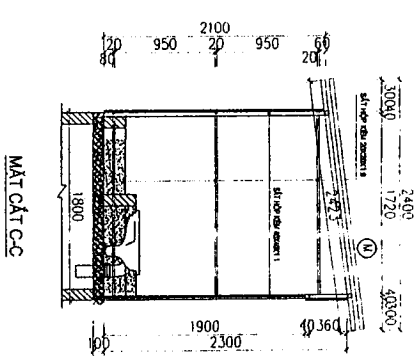
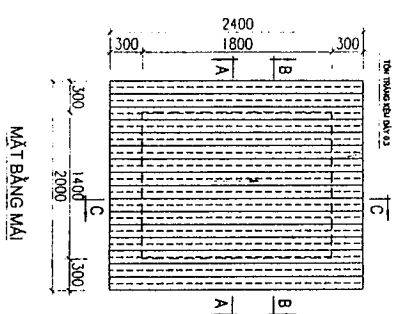
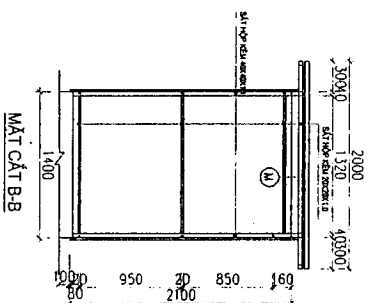
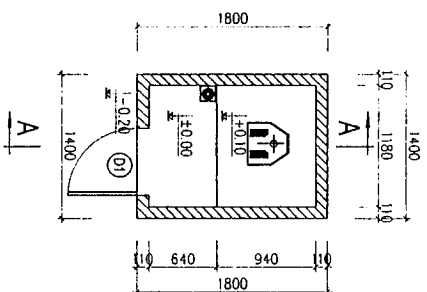
- Biên bản thẩm định nhà tiêu xây mới của từng hộ gia đình do cán bộ y tế thẩm định và có xác nhận của UBND xã.

- Danh sách ký nhận tiền của những hộ gia đình sau khi có kết quả thẩm định nhà tiêu hợp vệ sinh xây mới, có xác nhận của UBND xã.



MẪU 1

NHÀ TIÊU TỰ HOẠI



MẶT BẰNG VẼ SINH

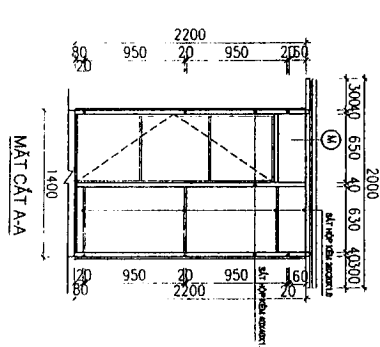
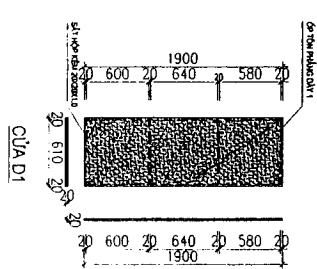
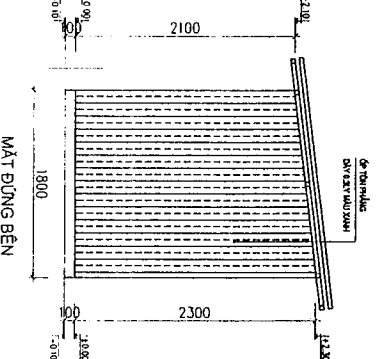
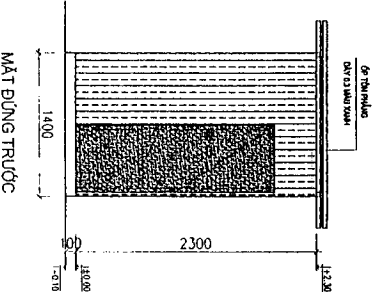
MẶT CẮT B-B

MẶT BẰNG MÃI

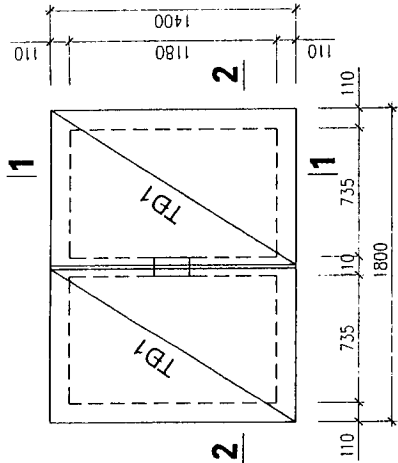
MẶT CẮT C-C

GHI CHÚ:

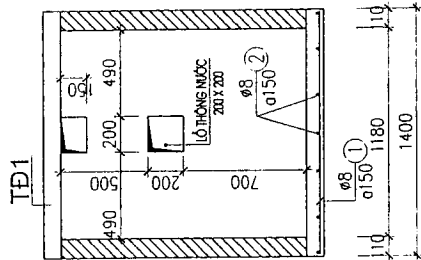
- BẾ PHƠI: ĐÂY, MẶT BẾ ĐÓ BÊ TÔNG TẠI CHỖ 200#. THÀNH BẾ XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM 50#.
- ĐÂY BẾ LĂNG VXM 75#. ĐÂY 30 CÓ ĐÁNH MÀU
- TRÁT TRONG THÀNH ĐÂY BẾ BẰNG VXA XI MÀNG CẮT VÀNG 75#. ĐÂY 30 CHIA LÀM 2 LỚP.
- LỚP 1 ĐÂY 15 CÓ KHUẤ BAY. LỚP 2 ĐÂY 15 ĐÁNH MÀU K? BẰNG XI MÀNG NGUYÊN CHẤT.
- TRONG QUẢ TRÌNH THI CÔNG BẾ NGHỈ CÁC HỘ GIA ĐÌNH BẾ LỎ VÀ LẮP ĐẶT ỨNG THÔNG HƠI.



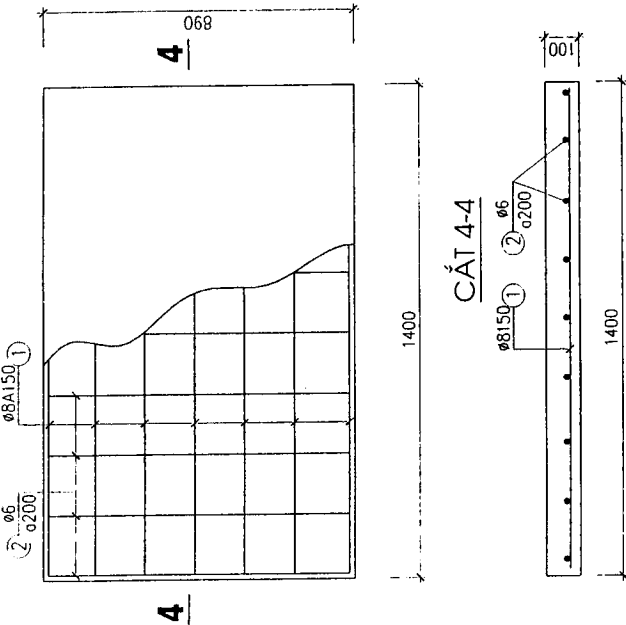
MẶT BẰNG TẦM ĐÀN



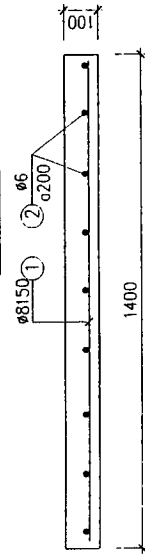
MẶT CẮT 1-1



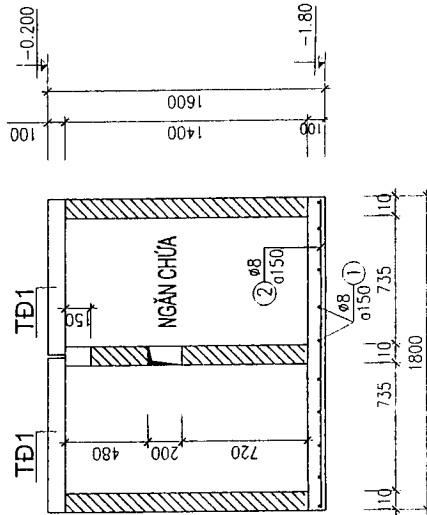
MẶT BẰNG TĐ1



CẮT 4-4



MẶT CẮT 2-2



THỐNG KÊ CỐT THÉP (CHO 1 CẦU KIỆN)

TÊN C-KIỆN	SỐ T.T	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC (MM)	Ø (MM)	CHIỀU DÀI 01 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG T. LƯỢNG (KG)
TĐ1 DÀN DÂY BÈ (1 CẦU)	1	1350	8	1350	13	176	6.9
	2	1750	8	1750	10	17.5	6.9
TĐ1 DÀN DÂY CÁP (2 CÁP)	1	1350	8	1350	9	12.2	4.8
	2	840	6	840	8	6.7	1.5

GHI CHÚ :

- DÀN BTCT NÁP BÉT. DÂY BÉT BĂNG BTCT 200#. ĐÁ 1X2

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH : MẪU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU 01)

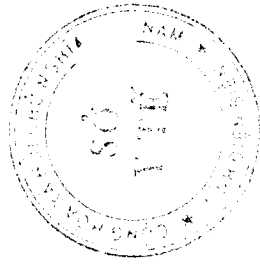
STT	Hạng mục	Đơn vị	Thành tiền
1	Phần móng	đồng	2.609.427
2	Phần thân	đồng	1.500.000
	TỔNG CỘNG		4.109.427
	LÀM TRÒN		4.109.000
<i>Bảng chú : Bốn triệu một trăm linh chín nghìn đồng chẵn./</i>			
<i>- Dự án chỉ hỗ trợ phần móng</i>			

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ (PHẦN MỘNG)
CÔNG TRÌNH: MẪU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU 01)

STT	TÊN VL - NC - MTC	Đ.V	ĐƠN GIÁ	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN
I	Vật liệu				2.609.427
	Bê tông	m ³	5.000	2,520	12.600
	Chậu xi xô	bộ	409.091	1,000	409.091
	Xi măng PCB30	kg	1.337	406,578	543.594
	Thép tròn D<=10mm	kg	12.186	26,400	321.710
	Gạch không nung 6,5x10,5x22	viên	1.163	778,360	905.233
	Dây thép	kg	14.561	0,536	7.797
	Bê tông	m ³	317.291	0,584	185.361
	Cát vàng	m ³	215.933	0,388	83.674
	Cát mịn M1=1,5-2	m ³	212.312	0,472	100.232
11	Cát mịn ML=0,7-1,4	m ³	208.062	0,186	38.700

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ (PHẦN THÂN)
CÔNG TRÌNH : MÀU NHÀ TIỂU HỢP VỆ SINH (MÀU 01)

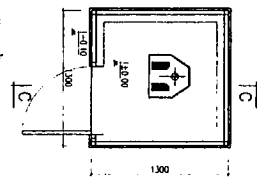
STT	TÊN VL - NC - MTC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1.)	I.) VẬT LIỆU				1.500.000
1	Tôn mái 0.30ly	m2	5,72	63.636	364.229
2	Tôn phăng 0.30ly	m2	16,85	33.636	566.796
3	Thép hình	kg	41,75	12.727	531.351
4	Thép tấm	kg	0,66	12.727	8.451



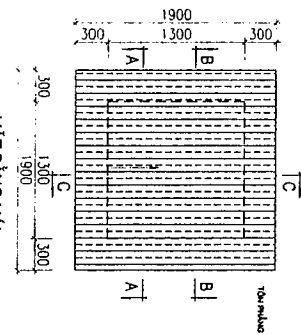
MẪU 2

NHÀ TIÊU THẨM DỘI NƯỚC

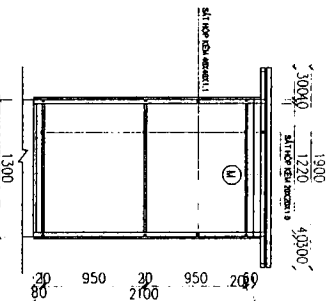
MẶT BẰNG VỆ SINH



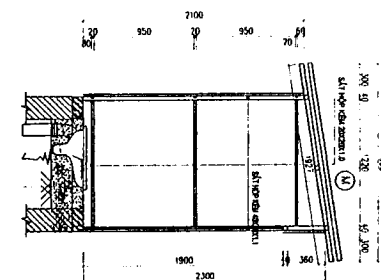
MẶT BẰNG MÀI



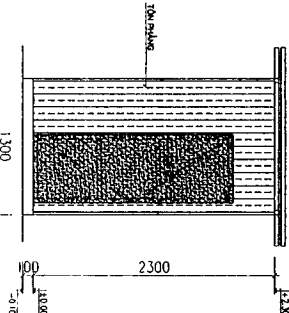
MẶT CẮT B-B



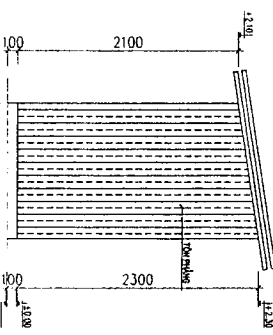
MẶT CẮT C-C



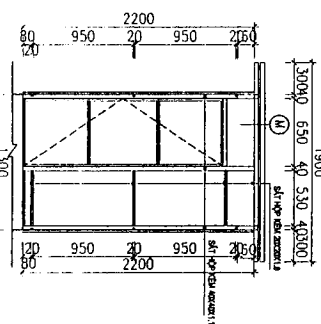
MẶT ĐỪNG TRƯỚC



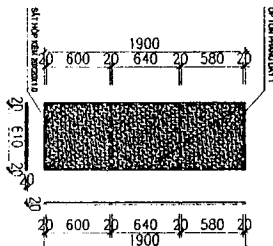
MẶT ĐỪNG BÊN

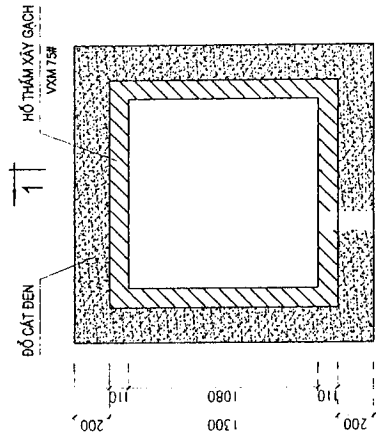


MẶT CẮT A-A

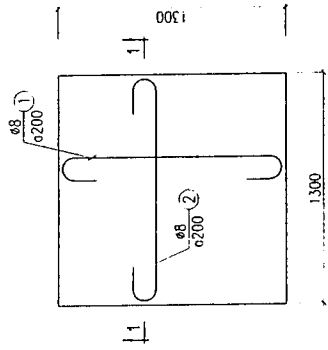


CỬA D1



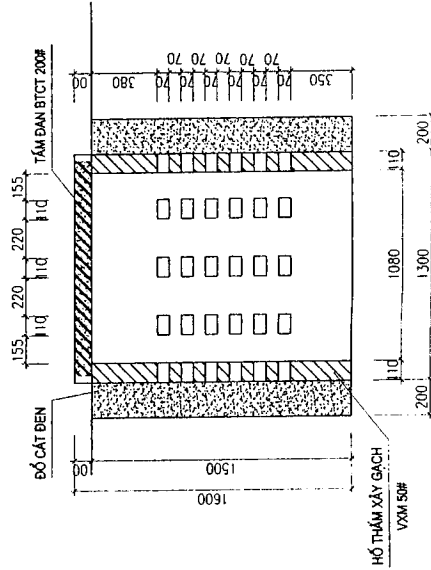
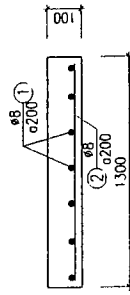


MẶT BẰNG HỒ THẤM



MẶT BẰNG TẦM ĐÀN HỒ THẤM

MẶT BẰNG HỒ THẤM



MẶT CẮT 1-1

CẮT 1-1

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP (CHO 1 CẦU KIẾN)

TÊN C. KIẾN	SỐ T. T	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC (MM)	CHUỖ DÀI 01 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHUỖ DÀI (M)	TỔNG T. LƯỢNG (KG)
				1C KIẾN	T BỘ		
HỒ THẤM	1	60 x 1250 x 60	8	7	7	9.6	3.8
	2	60 x 1250 x 60	8	7	7	9.6	3.8

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH : MẪU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU 02)

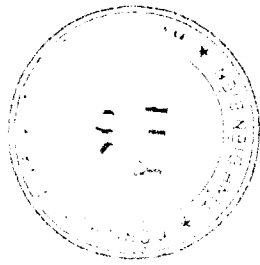
STT	Hạng mục	đơn vị	Thành tiền
1	Phần móng	đồng	1.416.832
2	Phần thân	đồng	1.300.000
	TỔNG CỘNG		2.716.832
	LÀM TRÒN		2.716.000
<i>Bảng chữ : Hai triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng chẵn./.</i>			
<i>- Dự án chi hỗ trợ phần móng</i>			

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ (PHẦN MỎNG)
CÔNG TRÌNH: MÀU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU SỐ 02)

STT	TÊN VL - NC - MTC	Đ.V	ĐƠN GIÁ	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN
I	Vật liệu				1.416.832
1	Xi măng PCB30	kg	1.340	99,698	133.595
2	Thép tròn D<=10mm	kg	13.645	7,600	103.705
3	Gạch chỉ không nung 6,5x10,5x22	viên	1.218	505,012	615.180
4	Dây thép	kg	16.380	0,163	2.667
7	Đá 1x2	m3	317.292	0,145	45.944
8	Cát vàng	m3	215.931	0,079	17.037
9	Cát nền	m3	208.060	2,196	456.901
10	Cát mịn M=1,5-2	m3	212.311	0,197	41.804

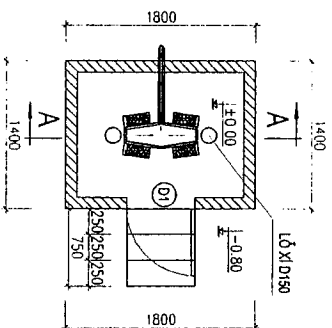
BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ (PHẦN THẬN)
CÔNG TRÌNH : MÀU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MÀU 02)

STT	TÊN VL - NC - MTC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I.)	I.) VẬT LIỆU				1.300.000
1	Tôn mui 0.30ly	m2	4,34	63.636	275.997
2	Tôn phẳng 0.30ly	m2	13,75	33.636	462.366
3	Thép hình	kg	40,94	12.727	521.108
4	Thép tấm	kg	0,65	12.727	8.288

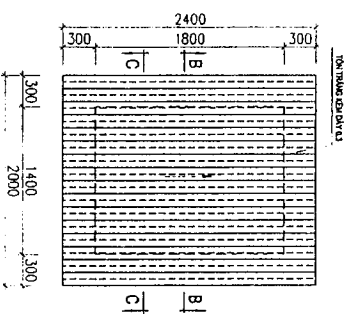


MẪU 3

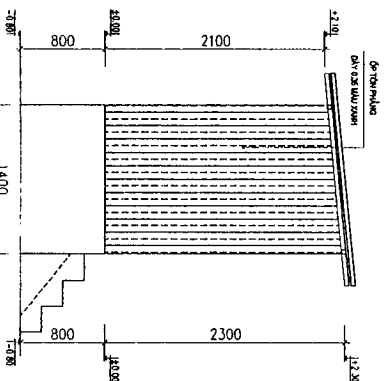
NHÀ TIÊU 2 NGĂN SINH THÁI



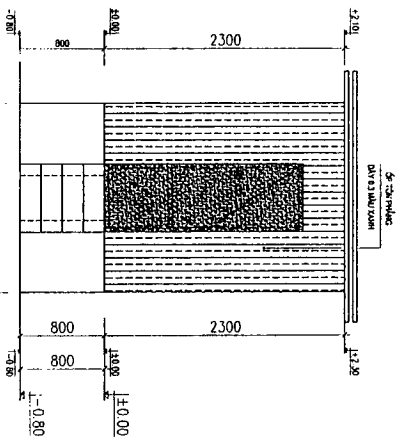
MẶT BẰNG VỆ SINH



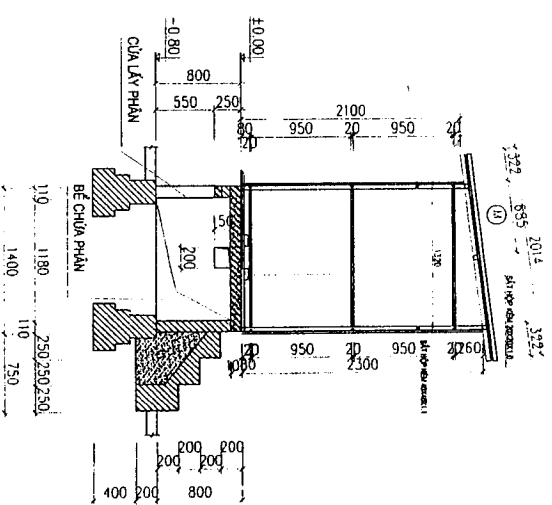
MẶT BẰNG MÀI



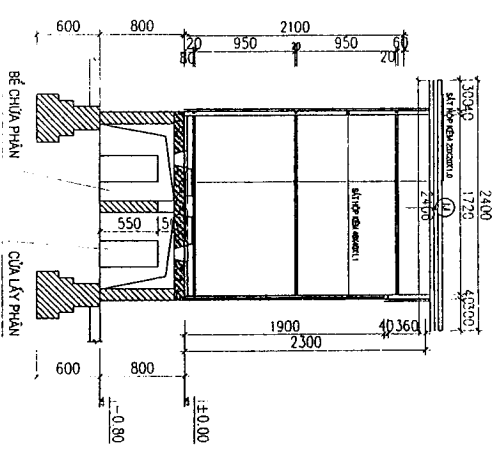
MẶT ĐỪNG BÊN



MẶT ĐỪNG TRƯỚC



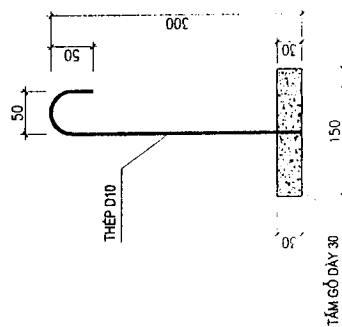
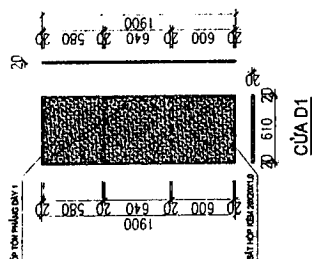
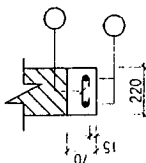
MẶT CẮT C - C



MẶT CẮT A - A

LANH TÔ CỬA LẤY PHẦN (LT-2)

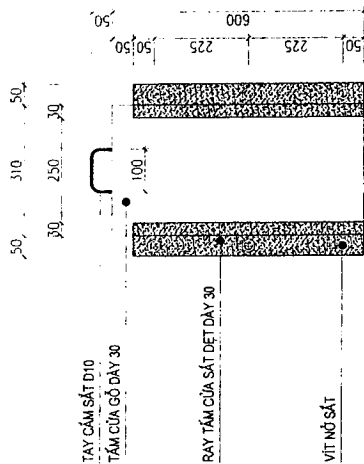
(SL:02C; L= 0.55M)



TẤM GỖ DÀY 30

LẮP ĐẶT LỖ XÍ

SL: 2 CÁI

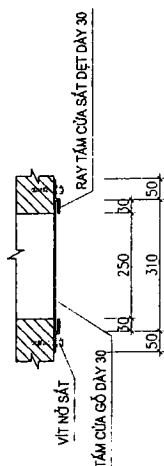


TẤM CỬA GỖ DÀY 30

RAY TẮM CỦA SẮT DẸT DÀY 30

WIT NỖ SẮT

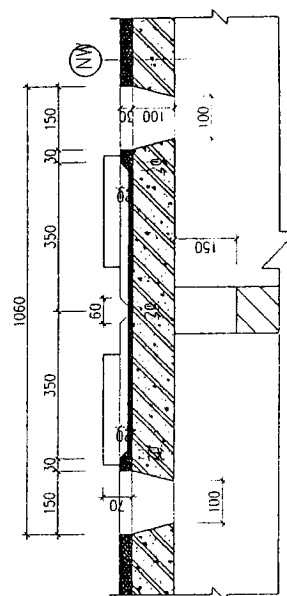
CHI TIẾT CỦA LẤY PHÂN



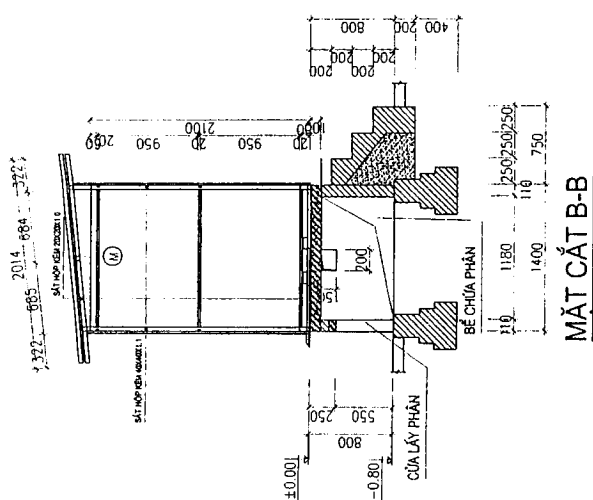
VỊT NỮ SÁT

ሀገራችንን ለማዳን

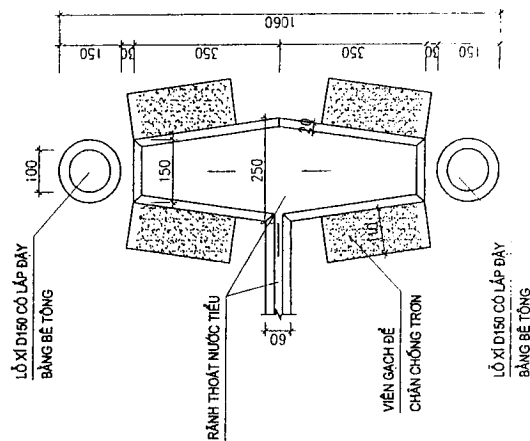
MẶT CẮT 2-2



CẮT 1-1



MẶT CẮT B-B



BẢNG BÊ TÔNG

RÀNH THOÁT NƯỚC TIỂU

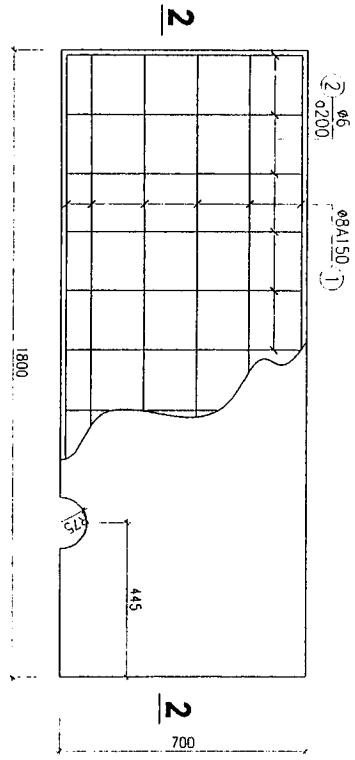
VIÊN GẠCH ĐỎ

CHẨN CHỐNG TRƠN

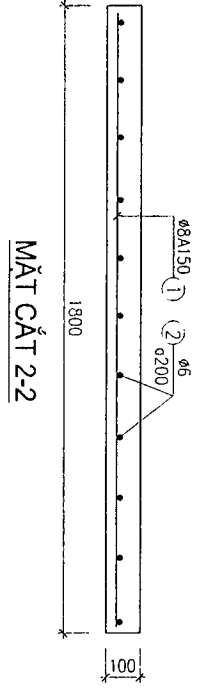
LỖ XÍ D150 CÓ LẮP ĐẶT

ĐẢNG BẾ TỬNG

CHI TIẾT BÊ XÍ

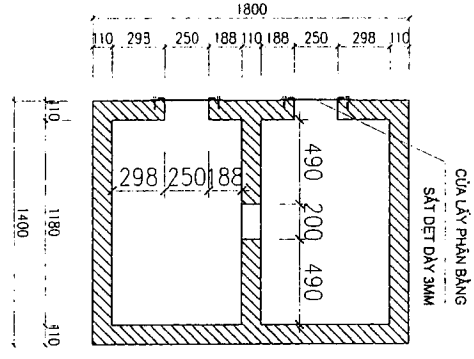


MẶT BẰNG TẤM ĐÀN
SL: 2 CÁI

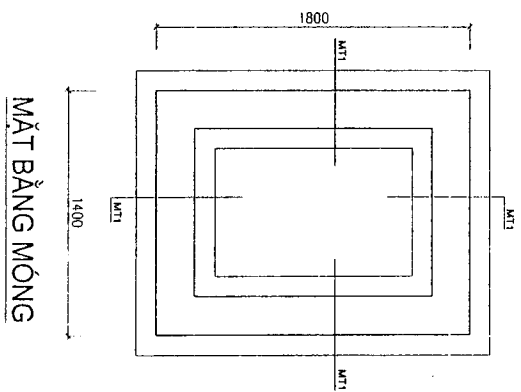


TÊN C. KIẾN	SỐ T. T	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC (MM)	Đ. (MM)	CHIỀU DÀI (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG T. LƯỢNG	
					T. KIẾN	T. BỎ		T. (KG)	T. (KG)
COS 0.00	1	1750	8	1750	5	5	8.8	3.5	
	2	50 650 50	6	750	12	12	9.0	2.0	

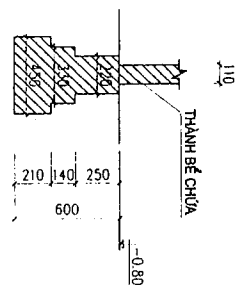
BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP (CHO 1 CẦU KIỆN)



MẶT BẰNG BỂ CHỨA



MẶT BẰNG MÔNG



MÔNG MT1

GHI CHÚ:
- MÔNG XÂY GẠCH VXM 50#
- BỂ CHỨA XÂY GẠCH VXM 50#

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: MẪU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU SỐ 03)

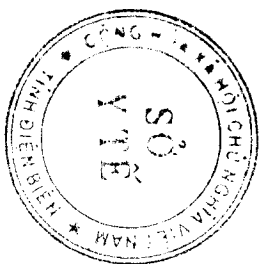
STT	Hạng mục	Đơn vị	Thành tiền
1	Phần móng	đồng	1.982.761
2	Phần thân	đồng	1.500.000
	TỔNG CỘNG		3.482.761
	LÀM TRÒN		3.482.000
Bảng chữ : Ba triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn./.			
- Dự án chi hỗ trợ phần móng			

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ (PHẦN MÓNG)
CÔNG TRÌNH: MẪU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU SỐ 03)

STT	TÊN VL - NC - MTC	Đ.V	ĐƠN GIÁ	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN
I	Vật liệu				1.982.761
2	Xi măng PCB30	kg	1.337	248,665	332.465
4	Thép tròn D≤10mm	kg	12.182	11,055	134.672
5	Gạch không nung 6,5x10,5x22	viên	1.163	1.092,176	1.270.201
6	Dây thép	kg	14.561	0,236	3.431
8	Đá 1x2	m3	317.291	0,216	68.503
9	Cát vàng	m3	215.933	0,189	40.747
10	Cát mịn M1=1,5-2	m3	212.312	0,553	117.409
11	Cát mịn ML=0,7-1,4	m3	208.062	0,074	15.334

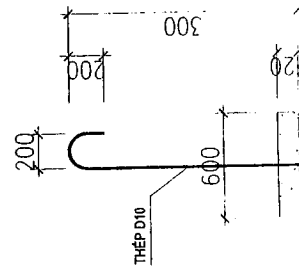
BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ (PHẦN THÂN)
CÔNG TRÌNH : MẪU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU 03)

STT	TÊN VL - NC - MTC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I.)	I.) VẬT LIỆU				1.500.000
1	Tôn mái 0.30ly	m2	5,72	63.636	364.229
2	Tôn phẳng 0.30ly	m2	16,85	33.636	566.796
3	Thép hình	kg	47,79	12.727	608.173
4	Thép tấm	kg	0,76	12.727	9.673



Mẫu 4

NHÀ TIÊU CHÌM CÓ ỚNG THÔNG HỎI

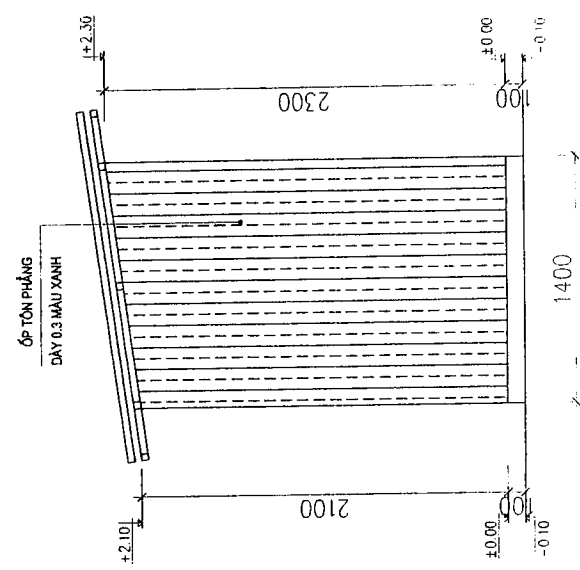


MẶT CẮT A-A

TẮM GỖ DÀY 30

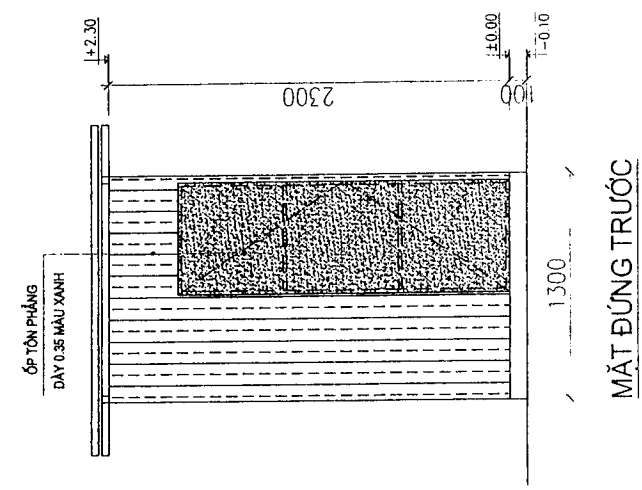
LẮP ĐẶT LỖ XÍ

SL: 1 CÁI



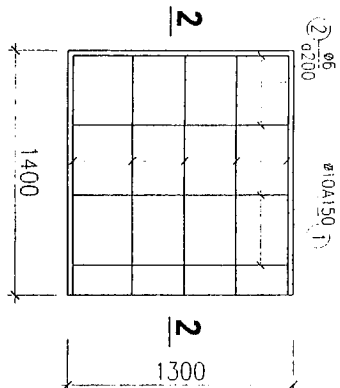
MẮT BẮNG MÁI

MẶT ĐÚNG BÊN

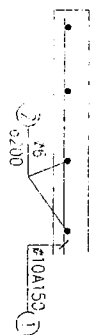


MẮT BẢNG VỀ SINH

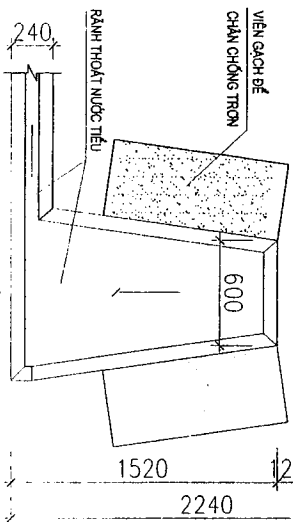
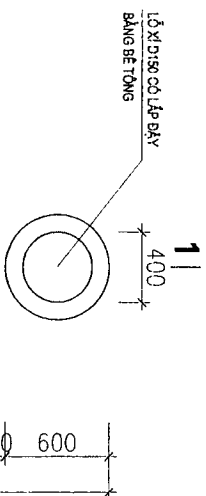
MẮT ĐÚNG TRƯỚC



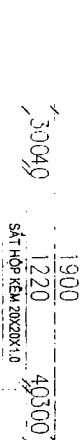
MẶT BẰNG TẤM ĐÀN
SL: 1 CẢI



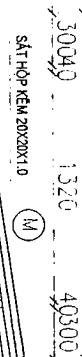
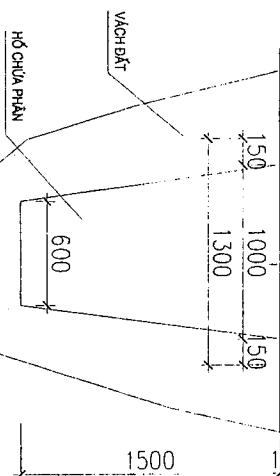
MẶT CẮT 2-2



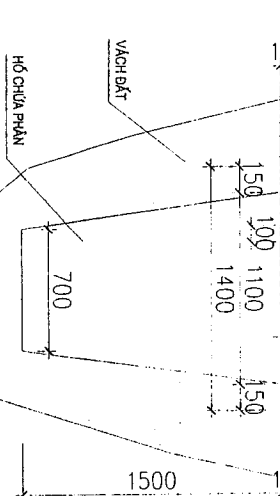
CHI TIẾT BÊ XI



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C



BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP (CHO 1 CẦU KIỆN)

TÊN CỘT	SỐ T. T	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC (MM)	CHIỀU DÀI 01 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG T. B0	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG T. LƯỢNG (KG)
TẤM ĐÀN COS 0.00	1	1350	10	9	12.2	7.5
	2	50	6	8	10.8	2.4

CẮT 1-1

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: MẪU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU 04)

STT	Hạng mục	Đơn vị	Thành tiền
1	Phần móng	đồng	359.977
2	Phần thân	đồng	1.300.000
	TỔNG CỘNG		1.659.977
	LÀM TRÒN		1.659.000
- Dự án chi hỗ trợ phần móng			
Bảng chữ : Một triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn./.			

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ (PHẦN MÓNG)
CÔNG TRÌNH: MẪU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU 04)

STT	TÊN VL - NC - MTC	Đ.V	ĐƠN GIÁ	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN
I	Vật liệu				359.977
1	Xi măng PCB30	kg	1.337	81,479	108.937
3	Thép tròn D<=10mm	kg	12.182	13,467	164.055
4	Dây thép	kg	14.561	0,287	4.179
5	Đá 1x2	m3	317.291	0,156	49.466
6	Cát vàng	m3	215.933	0,154	33.340

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ (PHẦN THÂN)
CÔNG TRÌNH : MÁU NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH (MẪU 04)

STT	TÊN VL - NC - MTC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I.)	I.) VẬT LIỆU				1.300.000
1	Tôn mái 0.30ly	m2	4,63	63.636	294.853
2	Tôn phẳng 0.30ly	m2	14,24	33.636	479.106
3	Thép hình	kg	42,05	12.727	535.192
4	Thép tấm	kg	0,67	12.727	8.512